

Ninh Thuận, ngày tháng 4 năm 2023

CÁC PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN MÔN HỌC, CHUYÊN ĐỀ **Dành cho học sinh lớp 10 năm học 2023– 2024**

Thực hiện công văn số 3070/VPUB-VXNV ngày 5/8/2022 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Ninh Thuận về việc triển khai thực hiện Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi, bổ sung Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 (sau đây gọi là Thông tư 13).; Công văn 4171/BGDĐT-GDTrH ngày 26/8/2022 về việc hướng dẫn nội dung dạy học các môn chuyên cấp trung học phổ thông.

Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn xây dựng các tổ hợp môn lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp (**250 chỉ tiêu/ 08 lớp**) năm học 2023 – 2024 như sau:

1. Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc gồm: 08 môn

Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ 1; Lịch sử; Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng và an ninh; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục của địa phương.

2. Các môn học lựa chọn

2.1 Gồm 9 môn học: Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ, Tin học, Âm nhạc, Mĩ thuật.

2.2 Cách chọn môn học và chuyên đề

- Đối với lớp chuyên Toán, Ngữ văn, Lịch sử: Học sinh lựa chọn học 04 môn học trong 09 môn học lựa chọn; đối với Chuyên đề học tập lựa chọn, ngoài cụm chuyên đề học tập lựa chọn thuộc chương trình môn chuyên, học sinh chọn 02 cụm chuyên đề học tập lựa chọn của 02 môn học khác môn chuyên trong 04 môn học đã lựa chọn và các môn Toán, Ngữ văn, Lịch sử.

- Đối với lớp chuyên Vật lí, Hóa học, Sinh học, Địa lí, Tin học: Học sinh lựa chọn học 03 môn học (khác môn chuyên) trong 09 môn học lựa chọn; đối với Chuyên đề học tập lựa chọn, ngoài cụm chuyên đề học tập lựa chọn thuộc chương trình môn chuyên, học sinh chọn 02 cụm chuyên đề học tập của 02 môn học trong 06 môn học gồm 03 môn học đã lựa chọn và các môn Toán, Ngữ văn, Lịch sử.

- Đối với lớp chuyên Ngoại ngữ: Học sinh lựa chọn 04 môn học trong 09 môn học lựa chọn; đối với Chuyên đề học tập lựa chọn, học sinh chọn 03 cụm

chuyên đề học tập lựa chọn của 03 môn học trong 07 môn học, gồm 04 môn học đã lựa chọn và các môn Toán, Ngữ văn, Lịch sử.

2.3 Các chuyên đề học tập

Mỗi môn học Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ, Tin học, Âm nhạc, Mĩ thuật. Có một số chuyên đề học tập tạo thành cụm chuyên đề học tập của môn học nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp học sinh tăng cường kiến thức và kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học giải quyết những vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp. Thời lượng dành cho mỗi chuyên đề học tập là 10 tiết hoặc 15 tiết; tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của một môn học là 35 tiết/năm học. Ở mỗi lớp 10, 11, 12, học sinh chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân.

3. Bảng tổng hợp kế hoạch giáo dục (chương trình không chuyên)

Nội dung giáo dục		Số tiết/năm học/lớp
Môn học bắt buộc	Ngữ văn	105
	Toán	105
	Ngoại ngữ 1	105
	Giáo dục thể chất	70
	Giáo dục quốc phòng và an ninh	35
	Lịch sử	52
Môn học lựa chọn	Địa lí	70
	Giáo dục kinh tế và pháp luật	70
	Vật lí	70
	Hoá học	70
	Sinh học	70
	Công nghệ	70
	Tin học	70
	Âm nhạc	70
	Mĩ thuật	70
Chuyên đề học tập lựa chọn (3 cụm chuyên đề)		105
Hoạt động giáo dục bắt buộc	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105

Nội dung giáo dục của địa phương	35
Môn học tự chọn	
Tiếng dân tộc thiểu số	105
Ngoại ngữ 2	105
Tổng số tiết học/năm học (không kể các môn học tự chọn)	1015
Số tiết học trung bình/tuần (không kể các môn học tự chọn)	28,5

4. Định hướng cho học sinh lớp 10 năm học 2023 – 2024 lựa chọn môn học

Chuyên Toán, chuyên Văn, chuyên Anh, không chuyên (chọn các nhóm này)			
Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4
Lý	Hóa	Lý	Lý
Hóa	Sinh	Sinh	Địa
KT&PL	Tin	Tin	KT&PL
Âm nhạc	CN	Địa	Mĩ thuật

Chuyên Tin, chuyên Lý, chuyên Hóa, chuyên Sinh (chọn các nhóm này)			
Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4
Lý	Hóa	Lý	Lý
Hóa	Sinh	Sinh	Hóa
KT&PL	Tin	Tin	Sinh
Âm nhạc	CN	Địa	CN

5. Việc xếp lớp cho học sinh (học tổ hợp) thực hiện như sau

5.1. Điểm trung bình: là trung bình cộng Điểm trung bình môn các môn học lớp 9 của các môn lựa chọn (được đánh giá bằng điểm số).

Ví dụ: Nếu các môn lựa chọn là: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học thì Điểm trung bình là:

$$D_{TB} = \frac{T_1 + T_2 + T_3 + T_4}{4}$$

trong đó D_{TB} , T_1 , T_2 , T_3 , T_4 lần lượt là Điểm trung bình, điểm trung bình môn cuối năm học lớp 9 của các môn Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học. Trong trường hợp học sinh không được học môn Tin học ở lớp 9 thì Điểm trung bình là:

$$D_{TB} = \frac{T_1 + T_2 + T_3}{3}$$

5.2. Điểm cộng thêm

a) Học sinh đạt giải các môn văn hóa trong kì thi chọn học sinh giỏi cấp **tỉnh** được quy ra điểm (D_{CT}) như sau:

Giải nhất: 2,0 điểm.

Giải nhì: 1,5 điểm.

Giải ba: 1,0 điểm.

b) Học sinh đạt giải các môn văn hóa trong kì thi chọn học sinh giỏi cấp thành phố (hoặc cấp huyện) được quy ra điểm (D_{CT}) như sau:

Giải nhất: 0,75 điểm.

Giải nhì: 0,5 điểm.

Giải ba: 0,25 điểm.

5.3. Điểm xét duyệt

$$D_{XD} = D_{TB} + D_{CT}$$

5.4. Xếp lớp tổ hợp

Nhà trường xếp lớp theo các nguyện vọng (NV) của học sinh từ NV1 đến NV cuối dựa vào đăng ký của học sinh (tương ứng mỗi dãy-nhóm chuyên) và D_{XD} .

- Học sinh được ưu tiên xét vào NV1 trước.
- Học sinh không được duyệt NV1 (ưu tiên cao của hs) thì được chuyển xuống NV tiếp theo theo thứ tự (**nếu các nguyện vọng này còn chỉ tiêu**).
- Trường hợp Điểm xét duyệt bằng nhau thì xét đến Điểm trung bình các môn học cả năm lớp 9 cao hơn.
- Điểm xét duyệt ở mỗi nguyện vọng của học sinh sẽ khác nhau (từ NV1 đến NV cuối tùy theo nhóm môn).
- Điểm cộng thêm chỉ lấy 01 giải cao nhất.

5.5. Các chuyên đề học tập

Chuyên đề	0CD1	0CD2	0CD3	0CD4	0CD5	0CD6	0CD7	0CD8
	Toán	Sinh	Toán	Sử	Địa	Hoá	Lý	Lý
Môn	Lý	Tin	Địa	Văn	Sử	Sinh	Toán	Tin
	Hoá	Toán	Lý	Toán	Toán	Toán	Sinh	Toán

6. Danh mục sách giáo khoa chương trình 2018 năm học 2023 – 2024

STT	Môn	Tên bộ sách
1	Tiếng Anh	GLOBALSUCCES
2	Hoá học	Chân trời sáng tạo
3	Lịch sử	Cánh diều
4	Địa lý	Cánh diều
5	GD kinh tế và pháp luật	Cánh diều
6	Sinh học	Cánh diều
7	Ngữ văn	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Toán	Cánh diều
9	Tin học	Cánh diều
10	Vật lý	Chân trời sáng tạo
11	Công nghệ	Cánh diều
12	HĐTN-HN	Chân trời sáng tạo 1
13	Thể dục	Kết nối tri thức với cuộc sống
14	QPAN	Kết nối tri thức với cuộc sống
15	Âm nhạc	Cánh Diều
16	Mĩ thuật	Kết nối tri thức

Nơi nhận:

- Ban lãnh đạo;
- Giáo viên toàn trường;
- Đăng Website trường;
- Bộ phận học vụ;
- Lưu: VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Vũ Ngọc Huy